

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 126/2022/DS - ST

Ngày: 21/11/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
hợp tác”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm.
2. Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi là thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2022/TLST – DS, ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968;

Địa chỉ: khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1961;

Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: ấp Lập Điền, xã Long Điền Tây, Huyện Đ, tỉnh B.

(ông V, ông P, ông Q có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2022 cùng các lời khai trong quá trình tổ tụng đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Vào ngày 25/3/2021 giữa ông và ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn Q có ký hợp đồng hùn vốn nuôi tôm, theo hợp đồng ngày 25/3/2021. Nội dung trong hợp đồng thỏa thuận bên ông sẽ cung cấp thức ăn, vật tư nguyên liệu, vốn xây dựng cơ bản và vốn lưu động trong quá trình nuôi tôm đúng chất lượng và thời hạn sử dụng. Phía ông P và ông Q thì cung cấp quyền sử dụng đất để hùn nuôi tôm

công nghiệp. Hai bên thỏa thuận lãi và lỗ đều chia đều 50/50 (nghĩa là lãi và lỗ thì bên ông sẽ chịu 50% và phía ông P, ông Q sẽ chịu 50%). Sau mỗi vụ nuôi tôm thu được thì phải thanh toán cho ông 25% (trừ vào số tiền đầu tư xây dựng ban đầu), số tiền còn lại mới tính vào việc lãi hay lỗ. Tổng số tiền đầu tư ban đầu 846.493.000đ.

Trong cùng ngày ký hợp đồng thì hai bên đã đưa vào nuôi tôm chính thức, sau khi thu hoạch được 01 vụ đầu tiên, số tiền thu được là 1.584.458.000đ. Các khoản chi: thuốc, thức ăn... 939.456.000đ; chi xây dựng cơ bản 25% bằng số tiền 266.623.000đ còn lại số tiền lãi là 378.379.000đ, số tiền này được chia thành 02 phần, ông được hưởng số tiền 189.189.000đ và ông P, ông Q được chia số tiền 189.189.000đ (đều có lập thành văn bản, hai bên có ký tên xác nhận)

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp: Sau khi thu tôm vụ thứ nhất, đến ngày 30/9/2021 ông có đưa người vào tiếp tục nuôi tôm, nhưng sau khi ông về thì ông Tý (con của ông P) đuổi người làm về, không cho vào để canh tác.

Đến ngày 13/11/2021 ông có đến gặp ông P, ông Q nói chuyện, nhưng ông Tý cương quyết không cho sản xuất.

Đến ngày 26/12/2021 ông tiếp tục gặp ông P, ông Q và ông Tý để bàn việc sản xuất nhưng ông Q đưa ra những điều kiện bất hợp lý, không có trong hợp đồng nên ông không đồng ý. Ông Q yêu cầu ông phải tháo dỡ di dời phần tài sản ông đã đầu tư trên phần đất để phục vụ cho việc nuôi tôm trong vòng 15 ngày.

Sau đó, đôi bên có nhiều lần bàn bạc để tiếp tục thực hiện việc nuôi tôm nhưng không thành. Sau khi hai bên chấm dứt việc hùn nuôi tôm thì phía ông P, ông Q tự ý nuôi 03 vụ tôm.

Tại phiên Tòa ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P, ông Q giao trả số tiền 579.870.000đ là giá trị còn lại của mô hình nuôi tôm công nghệ cao, rút lại phần yêu cầu đối với số tiền 133.611.000đ. Ông không yêu cầu vợ ông P và vợ ông Q có trách nhiệm trả.

Ông Nguyễn Văn Q trình bày: Vào ngày 25/3/2021 giữa ông, ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn V có ký theo hợp đồng hùn vốn nuôi tôm theo hợp đồng ngày 25/3/2021 ông Nguyễn Văn V cung cấp, trong hợp đồng này giữa ông, ông P và ông V có ký tên, ngoài ra không còn hợp đồng nào khác. Nội dung trong hợp đồng thỏa thuận bên ông V sẽ cung cấp thức ăn và vật tư nguyên liệu, vốn xây dựng cơ bản và vốn lưu động trong quá trình nuôi tôm đúng chất lượng và thời hạn sử dụng. Phía ông và ông P thì cung cấp quyền sử dụng đất để hùn nuôi tôm công nghiệp. Hai bên thỏa thuận lãi và lỗ đều chia đều 50/50 (nghĩa là lãi và lỗ thì bên ông V sẽ chịu 50% và phía ông P, ông sẽ chịu 50%). Sau mỗi vụ nuôi tôm thu được thì phải thanh toán cho ông V 25% (trừ vào khấu hao tài sản đầu tư xây dựng

ban đầu), số tiền còn lại mới tính vào việc lãi hay lỗ. Tổng số tiền đầu tư ban đầu 846.493.000đ.

Trong cùng ngày ký hợp đồng thì hai bên đã đưa vào nuôi tôm chính thức, sau khi thu hoạch được 01 vụ, số tiền thu được là 1.584.458.000đ. Các khoản chi: thuốc, thức ăn... 939.456.000đ; chi xây dựng cơ bản 25% bằng số tiền (266.623.000đ) còn lại số tiền lãi là 378.379.000đ, số tiền này được chia thành 02 phần, ông và ông P được hưởng số tiền 189.189.000đ và ông V được chia số tiền 189.189.000đ. Các vấn đề này ông đều thống nhất với lời trình bày của ông V.

Tuy nhiên, đến khoảng tháng 9, 10/2021 thì tạm ngừng sản xuất, do phải bơm nước từ ao nuôi tôm công nghiệp ra bên ngoài, chi phí tiền điện hơn 1.000.000đ (không nhớ cụ thể), ông yêu cầu ông V trả nhưng ông V không đồng ý với lý do là chưa sản xuất, chưa có thu lợi nhuận nên yêu cầu ông tự trả. Sau đó ông V yêu cầu ông Tý trả số tiền 1.000.000đ trừ vào tiền điện (ông V xác định ông Tý có mượn tiền của ông V, ông Tý là em của ông, nhưng thực tế ông Tý không mượn tiền của ông V).

Sau đó ông V yêu cầu để nuôi tiếp vụ tôm thứ hai thì mỗi người bỏ ra số tiền chi phí 50%, vì do trong hợp đồng có thỏa thuận là ông V phải bỏ ra toàn bộ chi phí, nên phía ông không đồng ý bỏ ra. Phía ông có hỏi ông V nguyên nhân vì sao trước đây hợp đồng thỏa thuận là ông V bỏ ra toàn bộ chi phí nhưng nay lại yêu cầu phía ông bỏ ra 50%, thì ông V có nói “trước đây con cháu ngoan hiền chú ra, sau này thấy con cháu hùng hổ quá chú chia 50/50”. Do ông không có tiền để hùn đầu tư nuôi tôm nên khi ông V đưa người tên Minh vào nuôi tôm thì ông kêu về và không đồng ý tiếp tục nuôi, khi nào có tiền thì ông mới nuôi. Ông V có nhờ ông Lâm, ông Trần Thanh Chiều, ông Còn đến để trao đổi với phía gia đình ông nhưng ông Lâm, ông Chiều, ông Còn không đồng ý.

Sau đó giữa ông V và phía ông có bàn bạc thống nhất ông V đồng ý chi số tiền 40.000.000đ là tiền máy phát điện gia đình ông mua trước đó để phục vụ cho việc nuôi tôm; chi số tiền 78.000.000đ là tiền thuê đất trong 03 năm của phần đất khác để lấy nước phục vụ cho việc nuôi tôm; số tiền ăn của người giữ tôm là 3.000.000đ/tháng; người nấu ăn là 3.000.000đ/tháng (hai bên thống nhất nội dung này thì có ông Hòa nhân viên công ty UB chứng kiến). Tuy nhiên, đến hôm sau thì ông V thay đổi ý kiến, không thống nhất toàn bộ vấn đề nêu trên. Ông V yêu cầu phía ông chia 2 tiền thuê người giữ tôm. Trước đây hai bên thỏa thuận bên ông 01 người, bên ông V 01 người. Nhưng về thực tế bên ông 03 người, bên ông V thuê có 01 người nhưng lại yêu cầu ông chia đôi số tiền này và chỉ trả cho tiền ăn. Do hai bên không thỏa thuận được nên phát sinh tranh chấp. Phía ông có cho ông V thời hạn 15 ngày để ông V tháo dỡ, di dời.

Đến khoảng tháng 01/2022 phía bên ông có mời ông V đến để trao đổi, bàn bạc nhưng ông V không đến và ông V yêu cầu đến áp Lập Điền và khởi kiện đến Tòa án.

Ông xác định sau khi giữa ông và ông V không hợp tác nuôi tôm nữa thì phía ông có nuôi thêm 03 vụ tôm là gia đình ông gồm ông P và ông tự nuôi.

Theo hợp đồng thì các bên không thỏa thuận với nhau trường hợp chấm dứt hợp đồng thì sẽ như thế nào, trong hợp đồng không đề cập hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng.

Ông xác định toàn bộ tài sản ông V đã đầu tư vào phần đất của ông vẫn còn nguyên hiện trạng như ban đầu, không có gì thay đổi, ông xác định giá trị còn lại là 130.000.000đ.

Nay ý kiến của ông yêu cầu ông V tháo dỡ, di dời toàn bộ phần tài sản ông V đã đầu tư vào phần đất của ông để giao trả lại phần đất cho ông.

Ông Nguyễn Văn P thống nhất với lời trình bày của ông Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Luật tổ tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 504, Điều 507, Điều 510 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V đối với ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn Q.

Buộc ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 579.870.000đ.

Buộc ông Nguyễn Văn Q có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 144.935.000đ.

Ông Nguyễn Văn P được quyền sở hữu toàn bộ mô hình nuôi tôm công nghệ cao của ông Nguyễn Văn V xây dựng trên đất của ông (tài sản trong vụ án).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn V, yêu cầu ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn Q giao trả số tiền 133.611.000đ.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 600.000đ ông Nguyễn Văn P, ông

Nguyễn Văn Q phải chịu. Ông Nguyễn Văn V đã dự nộp số tiền 600.000đ, buộc ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn Q mỗi người có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn V 300.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn V không phải chịu. Số tiền tạm ứng án phí 16.269.500đ ông Nguyễn Văn V đã nộp theo biên lai thu số 0009306 ngày 22/7/2022 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đ. Ông Nguyễn Văn P là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn Q giao trả tiền do vi phạm hợp đồng hợp tác. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, ông P, ông Q có địa chỉ cư trú tại ấp Lập Điền, xã Long Điền Tây, Huyện Đ, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh B.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn V yêu cầu ông Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Q giao trả số tiền 579.870.000đ là tiền chi phí đầu tư xây dựng mô hình nuôi tôm công nghệ cao.

Đây là loại tranh chấp về “hợp đồng hợp tác” được quy định tại Điều 504 Bộ luật dân sự 2015, nên khi phát sinh tranh chấp được Bộ luật này điều chỉnh.

Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 25/3/2021 giữa ông V và ông P, ông Q có hợp đồng hợp tác nuôi tôm công nghệ cao. Hai bên thỏa thuận, ông V sẽ cung cấp thức ăn, vật tư nguyên liệu, vốn xây dựng cơ bản và vốn lưu động trong quá trình nuôi tôm đúng chất lượng và thời hạn sử dụng. Phía ông P và ông Q thì cung cấp quyền sử dụng đất để hùn nuôi tôm công nghệ cao. Hai bên thỏa thuận lãi và lỗ đều chia đều 50/50 (nghĩa là lãi và lỗ thì bên ông V sẽ chịu 50% và phía ông P, ông Q sẽ chịu 50%). Sau mỗi vụ nuôi tôm thu được thì phải thanh toán cho ông 25% (trừ vào khấu hao đầu tư xây dựng ban đầu), số tiền còn lại mới tính vào việc lãi hay lỗ. Sau vụ nuôi thứ nhất số tiền thu được là 1.584.458.000đ, sau khi trừ đi các khoản chi, chi xây dựng cơ bản khấu hao 25% bằng số tiền 266.623.000đ và mỗi người được chia số tiền 189.189.000đ, thì hai bên phát sinh tranh chấp.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo ông V xác định là do phía ông P, ông Q cố ý không tiếp tục hợp tác với ông. Cụ thể là ông P và ông Q đã đuổi người làm của ông đưa vào để nuôi tôm và sau nhiều lần ông gặp ông P, ông Q để bàn bạc việc hợp tác nhưng ông P, ông Q không đồng ý, đưa ra những điều khoản bất hợp lý và sau đó tự ý tiếp tục nuôi 03 vụ tôm.

Phía ông P, ông Q xác định nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do ông V yêu cầu phía ông cùng hùn vào $\frac{1}{2}$ số vốn để nuôi tiếp vụ thứ 2 là không đúng như thỏa thuận ban đầu, vì phía ông không có tiền nên không thể tiếp tục nuôi.

Mặc dù phía nguyên đơn và bị đơn đều đưa ra lý do của việc ngừng hợp tác (tranh chấp). Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo thỏa thuận trong hợp đồng 25/3/2021 thì ông V đầu tư trang thiết bị, máy móc (mô hình nuôi tôm)... lên phần đất của ông P cho nên khi ông P không đồng ý, ngăn cản thì ông V không thể vào để sử dụng nuôi tôm. Mặt khác, ông P, ông Q xác định do ông V yêu cầu hùn vốn mà phía ông không có tiền nên không thể tiếp tục hợp tác. Nhưng trên thực tế, phía ông P, ông Q đã tự ý nuôi liên tiếp 03 vụ tôm từ tháng 02/2022 – tháng 9/2022 (qua sự thừa nhận của ông P, ông Q và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ).

Đồng thời, bản thân ông Q cũng trình bày sau khi hai bên tranh chấp thì ông V có nhờ ông Lâm, ông Trần Thanh Chiêu, ông Còn ngụ cùng áp đến để bàn bạc việc nuôi tôm với ông nhưng ông không thống nhất và ông cũng yêu cầu người tên Trương Lý Minh (là người ông V đưa đến nuôi tôm) ông yêu cầu người này về do ông không đồng ý tiếp tục hợp tác nuôi tôm.

Qua xem xét, đánh giá tất cả những tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định việc ngừng hợp tác nuôi tôm là do phía ông P, ông Q là bên có lỗi.

Trong hợp đồng ngày 25/3/2021 không thỏa thuận hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng yếu tố lỗi thuộc về ai, trách nhiệm bồi thường như thế nào... Tuy nhiên, sau khi tranh chấp thì giá trị mô hình nuôi tôm công nghệ cao (gọi là tài sản trong vụ án) còn lại là 75%, mà phía ông P, ông Q tự ý tiếp tục nuôi 03 vụ tôm, theo hợp đồng ngày 25/3/2021 giữa ông V, ông P, ông Q thỏa thuận thì sau mỗi vụ nuôi trừ chi phí đầu tư xây dựng cơ bản là 25%. Như vậy, phía ông P, ông Q đã tự ý nuôi tiếp tục 03 vụ tôm thì xem như đã sử dụng hết 75% giá trị đầu tư xây dựng ban đầu còn lại. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 510 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Thành viên rút khỏi hợp đồng hợp tác có quyền nhận lại tài sản đã đóng góp...”. Tài sản ông V đóng góp trong trường hợp này là mô hình nuôi tôm công nghệ cao, tại thời điểm ngừng hợp tác giá trị còn lại là 75% bằng số tiền 579.870.000đ, ông P, ông Q đã sử dụng hết giá trị còn lại (đã nuôi 03 vụ tôm) nên

ông P, ông Q phải có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị đầu tư xây dựng cho ông V là phù hợp. Như vậy, buộc ông P, ông Q mỗi người có trách nhiệm giao trả cho ông V số tiền 289.935.000đ.

Tuy nhiên, căn cứ theo biên bản định giá ngày 08/11/2022 thì mô hình nuôi tôm công nghệ cao còn giá trị thực tế còn lại là 290.000.000đ, nhưng do mô hình được đầu tư trên phần đất của ông P, mà nếu thảo dỡ, di dời sẽ làm hư hỏng, làm mất đi giá trị sử dụng của tài sản nên không thể phân chia cho ông P và ông Q mỗi người một nửa, nên cần giao toàn bộ mô hình nuôi tôm (tài sản) cho ông P được quyền sở hữu. Nên cần buộc ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn V toàn bộ số tiền 579.870.000đ. Buộc ông Nguyễn Văn Q có trách nhiệm giao trả số tiền chênh lệch (giá trị tài sản trong vụ án) cho ông Nguyễn Văn P số tiền: 289.935.000đ (nghĩa vụ phải trả cho ông V) – 145.000.000đ (1/2 giá trị tài sản hiện tại) = 144.935.000đ.

Do tại phiên tòa ông V xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 133.611.000đ. Xét thấy, việc rút đơn của ông V là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 600.000đ ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn Q phải chịu. Ông Nguyễn Văn V đã dự nộp số tiền 600.000đ, buộc ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn Q mỗi người có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 300.000đ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn V không phải chịu. Số tiền tạm ứng án phí 16.269.500đ ông Nguyễn Văn V đã nộp theo biên lai thu số 0009306 ngày 22/7/2022 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đ. Ông Nguyễn Văn P là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 504, Điều 507, Điều 510 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V đối với ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn Q.

Buộc ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 579.870.000đ.

Buộc ông Nguyễn Văn Q có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 144.935.000đ.

Ông Nguyễn Văn P được quyền sở hữu toàn bộ mô hình nuôi tôm công nghệ cao của ông Nguyễn Văn V xây dựng trên đất của ông (tài sản trong vụ án).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn V, yêu cầu ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn Q giao trả số tiền 133.611.000đ.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 600.000đ ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn Q phải chịu. Ông Nguyễn Văn V đã dự nộp số tiền 600.000đ, buộc ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn Q mỗi người có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 300.000đ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn V không phải chịu. Số tiền tạm ứng án phí 16.269.500đ ông Nguyễn Văn V đã nộp theo biên lai thu số 0009306 ngày 22/7/2022 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đ. Ông Nguyễn Văn P là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND Huyện Đ;

- Chi Cục THA.DS Huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N

